BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 76 /2026/TT-BXD	*Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Ban hành định mức chi phí, lợi nhuận áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 354/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư ban hành định mức chi phí, lợi nhuận áp dụng cho dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành định mức chi phí, lợi nhuận áp dụng trong giá dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng, gồm:

a) Dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập;

b) Dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ, chỉnh trị luồng hàng hải công cộng) (sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng);

c) Dịch vụ sự nghiệp công khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu), khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển (sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải).

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

a) Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

b) Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên - Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam (sau đây gọi là Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam);

c) Các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước có liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 2. Ban hành kèm theo Thông tư này các định mức chi phí và định mức lợi nhuận

1. Định mức chi phí sản xuất chung.

2. Định mức chi phí quản lý.

3. Định mức lợi nhuận.

Nội dung chi tiết các định mức tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026 và áp dụng từ năm tài chính 2027.

2. Trong quá trình thực hiện, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm thường xuyên rà soát các định mức nêu tại Điều 2 Thông tư này, báo cáo Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Công báo, Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ KH-TC (T).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ, LỢI NHUẬN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 76 /2026/TT-BXD ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. Hướng dẫn áp dụng các định mức chi phí

1. Chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung phát sinh tại các đơn vị trực tiếp sản xuất và hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam (sau đây gọi là đơn vị) để cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công: vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập; vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng; khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với hệ thống luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu), khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển. Chi phí sản xuất chung bao gồm:

a) Chi phí nhân viên tại các đơn vị: là các khoản tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương phải trả cho nhân viên quản lý tại đơn vị trực tiếp sản xuất và khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan;

b) Chi phí vật tư dùng cho quản lý, vật tư dùng để sửa chữa tài sản cố định dùng chung của các đơn vị;

c) Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động của các đơn vị (không bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp) thực hiện theo quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

d) Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động của các đơn vị: chi phí điện, nước, điện thoại, tiền thuê và chi phí sửa chữa tài sản cố định phục vụ quản lý tại các đơn vị, chi phí mua bảo hiểm tài sản cố định trực tiếp, chi phí mua ngoài khác (nếu có);

đ) Chi phí bằng tiền hợp lý, hợp lệ khác phục vụ sản xuất chung theo quy định của pháp luật ngoài các chi phí nêu ở trên (không bao gồm các khoản chi phí trực tiếp hợp lý, hợp lệ khác: chi phí đỗ bến tàu; chi phí thuê ngoài phục vụ công tác tiếp tế; chi phí thuê nhà trạm, bến bãi; chi phí nước ngọt và vận chuyển nước ngọt; chi phí máy và thiết bị thi công phục vụ công tác vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải; cước, phí dịch vụ phục vụ công tác quản lý, sử dụng báo hiệu hàng hải; chi phí nhiên liệu dùng cho máy phát điện tại trạm đèn biển, trạm luồng hàng hải và phương tiện bộ);

e) Chi phí sửa chữa tài sản cố định trực tiếp là chi phí sửa chữa tài sản trực tiếp phục vụ vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập và vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng bao gồm: công trình đèn biển, đăng tiêu độc lập, nhà trạm và công trình phụ trợ gắn với đèn biển, đăng tiêu độc lập; nhà trạm, cầu tàu phục vụ quản lý vận hành phao tiêu, đăng tiêu báo hiệu luồng hàng hải công cộng; khu hậu cứ; phương tiện thủy, bộ; máy phát điện; phao báo hiệu hàng hải; thiết bị báo hiệu hàng hải; thiết bị nguồn năng lượng; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống chống sét và các tài sản trực tiếp khác.

2. Chi phí quản lý

Chi phí quản lý bao gồm các chi phí phục vụ công tác quản lý tại Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam, gồm:

a) Chi phí nhân viên quản lý bao gồm: tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên bộ phận quản lý theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan;

b) Chi phí vật tư dùng cho công tác quản lý, vật tư sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ;

c) Chi phí sửa chữa tài sản cố định, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ dùng cho công tác quản lý;

d) Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý (không bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp) như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trong văn phòng và tài sản khác. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

đ) Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý; tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có);

e) Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng);

g) Chi phí bằng tiền khác thuộc quản lý chung, ngoài các chi phí đã nêu trên: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, nghiên cứu, đào tạo, chi nộp phí tham gia hiệp hội và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

II. Phương pháp xác định các chi phí, lợi nhuận

1. Chi phí sản xuất chung

a) Chi phí sản xuất chung *(chưa bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định trực tiếp tại điểm e khoản 1 mục I Phụ lục này)* được xác định bằng định mức tỷ

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

lệ phần trăm (%) *(theo quy định tại mục III Phụ lục này)* nhân với chi phí tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất trong giá dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải;

b) Chi phí sửa chữa tài sản cố định trực tiếp tại điểm e khoản 1 mục I Phụ lục này được xác định theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chi phí quản lý

Chi phí quản lý được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) *(theo quy định tại mục III Phụ lục này)* nhân với chi phí tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất trong giá dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

3. Lợi nhuận

Lợi nhuận được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) *(theo quy định tại mục III Phụ lục này)* nhân với tổng chi phí sản xuất, kinh doanh *(không bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định trực tiếp tại điểm e khoản 1 mục I Phụ lục này)* trong giá dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.

III. Định mức các chi phí, lợi nhuận

Đơn vị tính: tỷ lệ (%)

STT	Định mức chi phí, lợi nhuận	Dịch vụ sự nghiệp công		
		Vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập	Vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng	Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải
1	Chi phí sản xuất chung	18,3	15,6	43
2	Chi phí quản lý	15,1	18,6	13
3	Lợi nhuận	7,2	7,2	6

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn